

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và  
Khai thác Mỏ Vinavico**

Báo cáo Tài chính cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2010  
kèm theo Báo cáo Soát xét

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

**Báo cáo Tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**

---

## **Mục lục**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo Soát xét	1
Bảng Cân đối Kế toán	2
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	6

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP**

Số: 10-01-042

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 2 đến trang 21. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán các báo cáo tài chính, và do đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**PHẠM THẾ HUNG**  
**Giám đốc**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên*  
*Số: 0495/KTV*

**NGUYỄN TIẾN DŨNG**  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên*  
*Số: 0800/KTV*

**HÀ NỘI**  
Ngày 30 tháng 7 năm 2010

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>61.230.427.051</b>	<b>47.364.293.888</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.235.324.335</b>	<b>1.473.990.702</b>
1. Tiền	111	3	13.235.324.335	1.473.990.702
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.417.000.000</b>	<b>2.017.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	4	2.110.000.000	2.710.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(693.000.000)	(693.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.293.871.782</b>	<b>24.594.683.638</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.272.650.674	20.457.955.956
2. Trả trước cho người bán	132		-	4.076.476.574
5. Các khoản phải thu khác	135	6	21.221.108	60.251.108
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19.646.789.203</b>	<b>16.316.127.307</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	19.646.789.203	16.316.127.307
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.637.441.731</b>	<b>2.962.492.241</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	692.619.538	127.108.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.944.822.193	2.835.383.978
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>28.603.203.609</b>	<b>32.001.584.149</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.178.130.133</b>	<b>17.551.768.426</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.178.130.133	15.951.768.426
- Nguyên giá	222		23.792.638.698	23.393.494.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.614.508.565)	(7.441.726.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.600.000.000
- Nguyên giá	228		-	1.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.556.756.756</b>	<b>13.700.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	13.700.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	13.556.756.756	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>868.316.720</b>	<b>749.815.723</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	868.316.720	749.815.723
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>89.833.630.660</b>	<b>79.365.878.037</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>41.281.017.026</b>	<b>47.683.689.204</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.028.851.189</b>	<b>47.431.523.367</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	8.117.168.781	13.138.200.000
2. Phải trả người bán	312		22.094.226.960	27.076.886.725
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.527.492.409	1.329.789.986
5. Phải trả người lao động	315		965.706.373	1.984.670.009
6. Chi phí phải trả	317	14	6.278.865.392	3.095.903.804
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	744.938.682	705.797.388
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		300.452.592	100.275.455
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>252.165.837</b>	<b>252.165.837</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	242.700.000	242.700.000
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.465.837	9.465.837
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>48.552.613.634</b>	<b>31.682.188.833</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>48.552.613.634</b>	<b>31.682.188.833</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	26.778.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.943.790.000	75.750.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		870.000.000	455.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		353.000.000	145.000.000
9. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	419		147.201.696	64.201.696
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.238.621.938	4.164.237.137
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>89.833.630.660</b>	<b>79.365.878.037</b>

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
4. Nợ khó đòi đã xử lý		374.649.627	374.649.627

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

NGUYỄN NGỌC KHIÊM  
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh  
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
1. Doanh thu	01	17	36.493.577.873	18.759.725.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>36.493.577.873</b>	<b>18.759.725.404</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18	(32.793.044.483)	(16.581.746.562)
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>3.700.533.390</b>	<b>2.177.978.842</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.693.736.205	91.161.772
7. Chi phí tài chính	22	20	(718.294.174)	(564.772.143)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(718.294.174)	(564.772.143)
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(1.580.028.107)	(878.722.093)
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.095.947.314</b>	<b>825.646.378</b>
11. Thu nhập khác	31	22	2.587.104.640	-
12. Chi phí khác	32		(14.156.036)	(3.213.989)
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.572.948.604</b>	<b>(3.213.989)</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.668.895.918</b>	<b>822.432.389</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(1.430.273.980)	(153.115.616)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>4.238.621.938</b>	<b>669.316.773</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>1.269</b>	<b>250</b>

*Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.*

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

\_\_\_\_\_  
NGUYỄN NGỌC KHIÊM  
Giám đốc

\_\_\_\_\_  
NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)  
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.668.895.918</b>	<b>822.432.389</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ	02	2.423.424.955	1.704.538.401
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(4.245.526.845)	(59.470.329)
Chi phí lãi vay	06	718.294.174	564.772.143
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>			
<b>đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>4.565.088.202</b>	<b>3.032.272.604</b>
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	625.862.366	3.634.377.535
Thay đổi hàng tồn kho	10	(6.375.121.256)	(4.133.537.427)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(2.975.902.964)	(3.956.550.566)
Tiền lãi vay đã trả	13	(579.791.946)	(564.772.143)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(246.045.836)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(44.700.000)	(970.626.021)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.030.611.434)</b>	<b>(2.958.836.018)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(768.287.659)	(1.554.359.085)
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000)	(700.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	700.000.000	755.000.000
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	9.000.000.000	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.229.449	59.470.329
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.864.941.790</b>	<b>(1.439.888.756)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu	31	16.090.040.000	-
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.158.841.909	8.556.362.988
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(23.179.873.128)	(3.753.986.410)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(3.142.005.504)	(1.584.661.593)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.927.003.277</b>	<b>3.217.714.985</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>11.761.333.633</b>	<b>(1.181.009.789)</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.473.990.702</b>	<b>2.345.990.713</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>13.235.324.335</b>	<b>1.164.980.924</b>

Các khoản giao dịch trọng yếu không bằng tiền trong kỳ như sau:

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
<b>Góp vốn đầu tư dài hạn bằng tài sản</b>	<b>4.644.459.360</b>
- Bằng tài sản cố định vô hình	1.600.000.000
- Bằng chi phí dở dang	3.044.459.360

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

NGUYỄN NGỌC KHIÊM  
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG  
Kế toán trưởng

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

## **Thuyết minh Báo cáo tài chính**

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### **1. Tổ chức và hoạt động chính**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ
Số 0103008361 ngày 6 tháng 8 năm 2010	Thay đổi địa chỉ và nguồn vốn

Vốn cổ phần của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại toà nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Cơ sở lập báo cáo**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

#### **2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam**

##### **a) Luật Kế toán**

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.



# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

### 2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

#### a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu số tiền này với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{dang cuối kỳ từng} & = & \text{dang đầu kỳ từng} & + & \text{dang phát sinh trong} & - & \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} & & \text{công trình} & & \text{kỳ từng công trình} & & \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí SXKD} & & \text{Chi phí SXKD phát sinh} & & \text{Doanh thu} \\ \text{từng công} & = & \text{Dở dang đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & \times & \text{ghi nhận} \\ \text{trình} & & \text{Giá trị sản lượng thực hiện} & + & \text{Giá trị sản lượng thực} & & \text{trong kỳ} \\ & & \text{dở dang đầu kỳ (bao gồm} & & \text{hiện trong kỳ (bao gồm} & & \text{(bao gồm} \\ & & \text{thuế GTGT)} & & \text{thuế GTGT)} & & \text{thuế GTGT)} \end{array}$$

## 2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

## 2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

### Quyền khai thác mỏ đá trắng

Quyền khai thác mỏ đá trắng tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với thời gian khai thác là 30 năm bao gồm chi phí liên quan phát sinh được Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên Môi trường, Cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam quyết định cho phép khai thác từ tháng 8 năm 2009. Đến tháng 12 năm 2009, Công ty dùng Quyền khai thác mỏ đá trắng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Vinavico, trong đó góp vốn cho giai đoạn 1 ngay khi ký hợp đồng là 50% giá trị quyền khai thác và 50% còn lại được xác định là 5 ngày kể từ ngày Công ty có báo cáo kết quả thăm dò với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được các cơ quan này xác nhận kết quả thăm dò.

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

**cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## *2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

## *2.10. Các khoản đầu tư*

### *a) Các khoản đầu tư ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

### *b) Các khoản đầu tư dài hạn*

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### *c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

## *2.11. Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- (d) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

## **Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### *2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 2 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

### *2.13. Các khoản phải trả người bán*

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

### *2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

### *2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu*

#### *a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

#### *a) Cổ phiếu quỹ*

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn hợp pháp của từng cổ đông.

### 2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

#### c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.17. Hợp đồng xây dựng

#### a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

#### b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

## **Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
  - (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.
- c) *Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:*
- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
  - (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
  - (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **2.18. Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

### **2.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### **2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

### **2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

### **2.22. Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 3. Tiền

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Tiền mặt	2.297.180.147	1.091.958.885
Tiền gửi ngân hàng	10.938.144.188	382.031.817
	<b>13.235.324.335</b>	<b>1.473.990.702</b>

### 4. Đầu tư ngắn hạn

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần và Phát triển Giao thông Thủy Lợi	-	600.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
	<b>2.110.000.000</b>	<b>2.710.000.000</b>

### 5. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Số dư đầu năm	693.000.000	75.000.000
Tăng dự phòng trong năm	-	618.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>693.000.000</b>	<b>693.000.000</b>

Đây là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico đã quá hạn với mức trích lập là 70% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico với mức trích lập là 30%.

### 6. Phải thu khác

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Lãi cho vay phải thu	21.221.108	60.251.108
	<b>21.221.108</b>	<b>60.251.108</b>

### 7. Hàng tồn kho

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.154.656.917	1.953.526.264
Công cụ, dụng cụ	88.652.551	72.451.511
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.570.712.903	12.717.186.934
Hàng gửi đi bán	832.766.832	1.572.962.598
	<b>19.646.789.203</b>	<b>16.316.127.307</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 8. Tài sản ngắn hạn khác

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.879.678	66.972.678
Tạm ứng	3.904.942.515	2.668.411.300
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	100.000.000
	<b>3.944.822.193</b>	<b>2.835.383.978</b>

## 9. Tài sản cố định hữu hình

<b>Nội dung</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	21.998.622.741	1.252.534.589	142.337.277	23.393.494.607
Tăng trong kỳ	57.909.091	300.000.000	41.235.000	399.144.091
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	<i>57.909.091</i>	<i>300.000.000</i>	<i>41.235.000</i>	<i>399.144.091</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.056.531.832</b>	<b>1.552.534.589</b>	<b>183.572.277</b>	<b>23.792.638.698</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số dư đầu kỳ	7.145.189.092	228.513.167	68.023.922	7.441.726.181
Tăng trong kỳ	1.999.801.128	138.629.340	34.351.916	2.172.782.384
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.144.990.220</b>	<b>367.142.507</b>	<b>102.375.838</b>	<b>9.614.508.565</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	14.853.433.649	1.024.021.422	74.313.355	15.951.768.426
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.911.541.612</b>	<b>1.185.392.082</b>	<b>81.196.439</b>	<b>14.178.130.133</b>

Nguyên giá và giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được lần lượt là 9.057.822.000 đồng và 412.071.606 đồng.

## 10. Đầu tư dài hạn khác

<b>Tên công ty con</b>	<b>30.6.2010</b>		<b>31.12.2009</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>
Công ty Cổ phần Vinavico	1.200.000	13.556.756.756	-	-
	<b>1.200.000</b>	<b>13.556.756.756</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Vinavico được phân loại sang chỉ tiêu “Đầu tư dài hạn khác” từ khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết” do tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 giảm xuống còn 13%.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Vinavico bằng quyền thăm dò dự án mỏ đá hoa Yên Bái. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã hoàn thành báo cáo dự thảo kết quả thăm dò và đang trong quá trình xin phê duyệt chính thức của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời hai Công ty đang thực hiện việc chuyển quyền sở hữu kết quả thăm dò theo như thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn bằng tài sản ngày 22 tháng 12 năm 2009.



# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	104.015.705	119.167.986	(48.423.410)	174.760.281
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	645.800.018	249.975.582	(202.219.161)	693.556.439
	<b>749.815.723</b>	<b>369.143.568</b>	<b>(250.642.571)</b>	<b>868.316.720</b>

## 12. Vay và nợ

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>7.768.368.781</b>	<b>11.700.000.000</b>
Vay ngân hàng	6.814.118.781	3.700.000.000
Vay các bên liên quan	200.000.000	6.500.000.000
Vay cá nhân	754.250.000	1.500.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>348.800.000</b>	<b>1.438.200.000</b>
Vay ngân hàng	348.800.000	1.438.200.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>242.700.000</b>	<b>242.700.000</b>
Vay ngân hàng	242.700.000	242.700.000
<b>Cộng</b>	<b>8.359.868.781</b>	<b>13.380.900.000</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 30.6.2010
<b>Vay ngắn hạn</b>					<b>7.768.368.781</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Ba Đình	6	23/12/2010	13	Tín chấp	3.686.918.781
- Ngân hàng Tiên Phong	1	14/7/2010	13,5	Cầm cố	3.127.200.000
- Công ty CP Vinavico	3	30/6/2010	14,4	Tín chấp	200.000.000
- Trần Quyết Thắng	3	12/7/2010	14,4	Tín chấp	470.000.000
- Phạm Quý Đốc	3	19/7/2010	14,4	Tín chấp	284.250.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>					<b>348.800.000</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội	12	31/12/2010	10,5-12,75	Tài sản	348.800.000
<b>Vay dài hạn</b>					<b>242.700.000</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội	30-36	21/10/2012	10,5-12,75	Tài sản	242.700.000
<b>Cộng</b>					<b>8.359.868.781</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	127.108.263	3.038.628.276	(2.473.117.001)	692.619.538
	<b>127.108.263</b>	<b>3.038.628.276</b>	<b>(2.473.117.001)</b>	<b>692.619.538</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.655.070.688	(3.655.070.688)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.318.640.942	1.430.273.980	(246.045.836)	2.502.869.086
Thuế thu nhập cá nhân	11.149.044	13.474.279	-	24.623.323
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>1.329.789.986</b>	<b>5.101.818.947</b>	<b>(3.904.116.524)</b>	<b>2.527.492.409</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.668.895.918	822.432.389
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	52.200.000	52.513.989
Các khoản điều chỉnh tăng	52.200.000	52.513.989
- Phụ cấp Hội đồng quản trị	52.200.000	49.300.000
- Tiền phạt nộp chậm thuế	-	3.213.989
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	5.721.095.918	874.946.378
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	5.721.095.918	874.946.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	1.430.273.980	218.736.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(65.620.979)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	1.318.640.942	413.105.855
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(246.045.836)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm</b>	<b>2.502.869.086</b>	<b>566.221.471</b>

## Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

## 14. Chi phí phải trả

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Chi phí khoan thăm dò mỏ đá	2.409.794.944	1.204.897.472
Chi phí làm đường và lán trại vào mỏ đá	3.679.123.776	1.839.561.888
Chi phí lãi vay	189.946.672	51.444.444
	<b>6.278.865.392</b>	<b>3.095.903.804</b>

## 15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Bảo hiểm xã hội và y tế phải nộp	66.890.885	150.342.996
Kinh phí công đoàn	183.911.434	132.672.525
Cổ tức phải trả	344.283.363	272.928.867
Trần Ngọc Tuấn - nộp tiền mua cổ phần	149.853.000	149.853.000
	<b>744.938.682</b>	<b>705.797.388</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lãi lũy kế	Tổng cộng
<b>Số dư 1.12.2009</b>	<b>26.778.000.000</b>	<b>75.750.000</b>	<b>160.000.000</b>	<b>52.000.000</b>	<b>34.859.731</b>	<b>3.121.464.579</b>	<b>30.222.074.310</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	295.000.000	93.000.000	64.201.696	(545.201.696)	(93.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.164.237.137	4.164.237.137
Chi thường ban quản lý công ty	-	-	-	-	(34.859.731)	-	(34.859.731)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(2.576.262.883)	(2.576.262.883)
<b>Số dư 31.12.2009</b>	<b>26.778.000.000</b>	<b>75.750.000</b>	<b>455.000.000</b>	<b>145.000.000</b>	<b>64.201.696</b>	<b>4.164.237.137</b>	<b>31.682.188.833</b>
Tăng vốn trong kỳ	13.222.000.000	2.868.040.000	-	-	-	-	16.090.040.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	(706.000.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.238.621.938	4.238.621.938
Chi thường ban quản lý công ty	-	-	-	-	-	(244.877.137)	(244.877.137)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(3.213.360.000)	(3.213.360.000)
<b>Số dư 30.6.2010</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>2.943.790.000</b>	<b>870.000.000</b>	<b>353.000.000</b>	<b>147.201.696</b>	<b>4.238.621.938</b>	<b>48.552.613.634</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

*Tình hình biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:*

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>2009</b>
Vốn cổ phần đầu kỳ	26.778.000.000	26.778.000.000
Vốn cổ phần tăng trong kỳ	13.222.000.000	-
<b>Vốn cổ phần cuối kỳ</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>26.778.000.000</b>
<hr/>		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.213.360.000	2.576.262.883

*Cổ phiếu*

<b>Nội dung</b>	<b>30.6.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	2.677.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000	2.677.800
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	4.000.000	2.677.800

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## 17. Doanh thu

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	33.536.167.082	18.053.223.054
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.957.410.791	706.502.350
	<b>36.493.577.873</b>	<b>18.759.725.404</b>

## 18. Giá vốn hàng bán

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	30.279.192.807	15.939.349.950
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	2.513.851.676	642.396.612
	<b>32.793.044.483</b>	<b>16.581.746.562</b>

## 19. Doanh thu hoạt động tài chính

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.229.449	14.303.578
Lãi cho vay phải thu	3.750.000	76.858.194
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinavico	1.656.756.756	-
	<b>1.693.736.205</b>	<b>91.161.772</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 20. Chi phí tài chính

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Lãi tiền vay	718.294.174	564.772.143
	<b>718.294.174</b>	<b>564.772.143</b>

### 21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Chi phí nhân viên quản lý	968.551.402	468.942.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.207.425	33.061.997
Chi phí khấu hao	69.615.407	58.166.115
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.260.283	269.303.640
Chi phí khác	88.393.590	43.448.163
	<b>1.580.028.107</b>	<b>878.722.093</b>

### 22. Thu nhập khác

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
Thu nhập từ việc bán vật tư thu hồi	31.564.000	-
Thu nhập từ hoạt động góp vốn (chênh lệch đánh giá tài sản)	2.555.540.640	-
	<b>2.587.104.640</b>	<b>-</b>

### 23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

*Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:*

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010</b>	<b>Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</b>	<b>4.238.621.938</b>	<b>669.316.773</b>
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
<b>Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</b>	<b>4.238.621.938</b>	<b>669.316.773</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ</b>		
- Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	2.677.800	2.677.800
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	661.100	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ</b>	<b>3.338.900</b>	<b>2.677.800</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.269</b>	<b>250</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng		Doanh thu xây lắp	30.318.459.422
Công trình ngầm	Công ty liên kết	Mua vật tư	2.555.124.448

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản đầu tư ngắn hạn và phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			30.6.2010	31.12.2009
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất				
Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	150.000.000	150.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	20.599.083.668	20.230.742.452
<b>Phải trả cho người bán</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Vật tư, hàng hoá	(7.760.823.377)	(5.249.478.780)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất				
Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Mua tài sản	(559.394.528)	(559.394.528)

### 25. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 30 tháng 7 năm 2010.

\_\_\_\_\_  
NGUYỄN NGỌC KHIÊM  
Giám đốc

\_\_\_\_\_  
NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG  
Kế toán trưởng